

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Medium

SOPHIE 01

Cái nhìn t ự **mái tthoáng sáng**

ế SOPHIE **Thiết** khả **năng** chư ố ợ trọng, bảo v ệ **ESD**, phần **lót chân có** th ể
mái t **thoáng** sờ đế **ngoài** bằn g **cao su** b ề n **và** phần **trên thoáng**
khí. Nó **hoàn** hảo **cho** điều ku iệt **vời** **khô ráo**, thu

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**Lorica**
lót bên trong i **tái** chế lướ	
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ mút tái chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	**Philon/cao su**
i Loạ	**01 / SRC, ESD**
Phạm **vi kích** thước	**EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5** **JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270**
ng lượng t **thép**	**0.245 kg**
ẩn **hóa** **iêu** chu	**ASTM F2892:2018** **EN ISO 20347:2012**



FUC


LLC


PFU


BLK


LBL


LGN


WHT

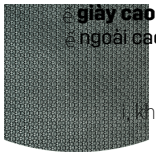


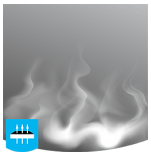
X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm soát **có** thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và ngăn ngừa **nguy** cơ bắt lửa **do** tích điện. ộng
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRC
ước là **trong** những **tính năng** quan trọng **và** giày bảo hộ **chống** trượt **SRC** **SRA** và **SRB**, **chúng** được kiểm tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.


ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót giày** thường xuyên hoặc **lót giày** chỉnh hình riêng **mái** thể thoả


giày cao su
ế ngoài **cao su** cung cấp **các** tính năng linh hoạt giúp chúng phù hợp với **nhiều** mục ứng dụng: khả **năng** chống cắt khả **năng** chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả **năng** **tuyệt** và nhiều l


Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ **mang** lại lâu hơn.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc ụ ốẩm m & Đ thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
r ơn môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phả cá hà mị g Kh trê lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng thấm ướ ơ	? 0.8	1.4 ờ mg/cm/g
	Top: hi ệu suất ơ	? 15	15.5 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế		
	L ớp lót: thấm ướ ơ	? 2	43.7 ờ mg/cm/g
	lót: hi ệu suất ơ	? 20	350 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân: Ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Philon/cao su**		
	Ch ố ả ợ ế ngoài (mài mòn)	? 150	71.9 mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.48 ma sát
	a đế ngoài SRA: Phầ t g	? 0.32	0.43 ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.32 ma sát
	ế ngoài SRB: t phần g	? 0.18	0.34 ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	28.6 megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân củ	? 20	23.4 J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Safety Jogger không chịu trách nhiệm về bất kỳ lỗi in ấn nào. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ọc **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
i **CO2 phát** thả		
	V ật l iệu	1.68 kg
	Bao bì	0.10 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		3.94 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K u q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	18%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán CO2 của Giầy đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com